

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22 – 10 - 2019
V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH
- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Thanh
Bà Nguyễn Kim Phụng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Kim Khuyên

Ngày 22 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 320/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 260/2019/QĐXX-ST ngày 10 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị H, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 9/42, đường Hoàng Thị L, tổ 7, khu vực 7, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn: Anh Trần Quốc V, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 134/54/4, đường Ngô Thị N, phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Phan Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng kết hôn năm 2001, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường 1 cấp giấy chứng nhận kết hôn từ ngày 20/3/2001.

Quá trình chung sống không phù hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống

nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2006 đến nay. Chị H yêu cầu được ly hôn với anh V

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Trần Thị Thanh N, sinh ngày 07/07/2001, hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Anh Trần Quốc V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh V và chị H kết hôn, có đăng ký kết hôn và được UBND phường 1 cấp giấy chứng nhận kết hôn từ ngày 20/3/2001. Anh V đồng ý mâu thuẫn vợ chồng như chị H nêu là bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng ly thân từ tháng 02/2006 đến nay, không hàn gắn được tình cảm với nhau. Chị H về Huế sống, còn anh V sống tại Đồng Tháp. Nay anh V đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Trần Thị Thanh N, sinh ngày 07/07/2001, hiện nay đang sống chung với chị H, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung không có.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn có địa chỉ tại phường 1, thành phố C, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa dân sự Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị H, anh V có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh V.

[3] Quan hệ hôn nhân: Chị H, anh V kết hôn vào ngày 20/3/2001, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường 1, thị xã C (nay là thành phố C) cấp giấy chứng nhận kết hôn, số vào sổ 15KH2001 Quyền số 1. Quá trình chung sống chị H, anh V thống nhất do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp

nên chị H về sống tại Huế, còn anh V sống tại Đồng Tháp và vợ chồng xa nhau từ tháng 02/2006 đến nay, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Chị H yêu cầu xin ly hôn được anh V đồng ý là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Căn cứ giấy khai sinh ngày 27/11/2003 thể hiện cháu Trần Thị Thanh N, sinh ngày 07/7/2001 có cha tên Trần Quốc V, mẹ Phan Thị H là phù hợp với lời thừa nhận của chị H, anh V có một con chung tên Trần Thị Thanh N, sinh ngày 07/7/2001. Hiện nay cháu N đã trưởng thành, chị H, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H, anh V xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị H.

Chị Phan Thị H được ly hôn với anh Trần Quốc V.

[2] Về con chung: Chị Phan Thị H và anh Trần Quốc V có một con chung tên Trần Thị Thanh N, sinh ngày 07/7/2001, đã trưởng thành, không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Không có.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Phan Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H

đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BH/2018/0005118 ngày 26/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Chị H đã nộp xong tiền án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- TA Tỉnh;
- VKSND TPCL;
- Đương sự;
- UBND Phường 1, TP CL;
(GCNKH số 15KH2001, Q1
Ngày 20/3/2001)
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Huỳnh Kim Oanh